

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

NGUYỄN VIỆT THU HƯƠNG

**SỰ KIẾN BẤT KHẢ KHÁNG THEO PHÁP LUẬT
DÂN SỰ VIỆT NAM**

**Ngành đào tạo: Luật dân sự và tổ tụng dân sự
Mã số chuyên ngành: 9380103**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – 2026

**Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật Hà Nội**

**Người hướng dẫn khoa học: 1. TS. Nguyễn Văn Hối
2. TS. Hoàng Thị Loan**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp
Trường, họp tại Trường Đại học Luật Hà Nội
Vào hồi ngày.....tháng.....năm 2026**

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- 1. Thư viện Quốc gia**
- 2. Thư viện Trường Đại học Luật Hà Nội**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của luận án

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, những cam kết đòi hỏi một hệ thống pháp luật dân sự phải tiệm cận với các chuẩn mực pháp lý quốc tế về quản trị rủi ro hợp đồng. Đặc biệt, sự bùng nổ của Cách mạng công nghiệp 4.0 và kinh tế số đang tái định nghĩa cấu trúc của các giao dịch dân sự và thương mại. Nếu pháp luật không đưa ra được các tiêu chí định tính và định lượng rõ ràng, hệ thống pháp luật sẽ vô hình trung trở thành lực cản, làm gia tăng chi phí tuân thủ và rủi ro cho doanh nghiệp trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

Tại Việt Nam, mặc dù BLDS 2015 đã có những bước tiến nhất định, nhưng khái niệm SKBKK tại Điều 156 vẫn còn mang tính khái quát hóa cao, thiếu các quy định mang tính nguyên tắc để phân định rõ ràng với các chế định lân cận như thực hiện hợp đồng khi HCTĐCB hay trở ngại khách quan. Sự mơ hồ về các tiêu chí “không thể lường trước”, “không thể khắc phục” đòi hỏi một sự tư duy lại về mặt lý luận để xác lập ranh giới trách nhiệm dân sự một cách công bằng.

Có thể thấy rằng, bên cạnh tồn tại trong quy định pháp luật về SKBKK, thì thực tiễn áp dụng pháp luật về SKBKK còn chưa hiệu quả. Trong thực tiễn, ngoài SKBKK do pháp luật quy định, các bên có thể lựa chọn thỏa thuận về SKBKK nhưng pháp luật Việt Nam hiện hành còn thiếu sót dẫn đến nhiều bất cập trong thực tiễn áp dụng SKBKK do các bên thỏa thuận. Về phía cơ quan thực thi pháp luật, quan điểm xét xử của Tòa án không thống nhất với cùng sự biến pháp lý, Hội đồng xét xử còn nhầm lẫn khi nhận diện sự kiện thuộc chế định SKBKK hay chế định pháp lý khác như HCTĐCB, trở ngại khách quan. Nguyên nhân của những mâu thuẫn này là do quy định pháp luật chưa thực sự rõ ràng, thậm chí là khó hiểu; sự thiếu sót của Tòa án trong vận dụng quy định pháp luật về SKBKK.

Những hạn chế, thiếu sót trong quy định của pháp luật dẫn đến việc thực hiện pháp luật trên thực tiễn sẽ tiếp tục góp khó khăn, vướng mắc. Chính vì vậy, đòi hỏi phải có những nghiên cứu, làm rõ một số vấn đề lý luận đồng thời với việc đánh giá thực tiễn áp dụng để đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật về SKBKK vẫn còn tính cấp thiết.

Đến nay, trong khoa học pháp lý đã có nhiều công trình tiếp cận nghiên cứu về SKBKK, song các công trình này mới chỉ nghiên cứu một hoặc một số khía

cạnh về SKBKK, mà chưa có công trình nào nghiên cứu toàn diện, sâu sắc về cơ sở lý luận, thực trạng pháp luật về SKBKK. Do đó, chưa có công trình nào đưa ra được hệ thống kiến nghị, giải pháp một cách toàn diện về SKBKK. Trước tình hình thực tế trên cho thấy, việc tiếp tục nghiên cứu nhằm đưa ra các kiến nghị và giải pháp hoàn thiện pháp luật về SKBKK là đòi hỏi bức thiết trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt là nghiên cứu ở cấp độ luận án tiến sĩ luật học. Do đó, việc lựa chọn và nghiên cứu đề tài luận án về **“Sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam”** là cần thiết và sẽ mang lại những giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc.

2. Mục đích nghiên cứu của luận án

Mục đích nghiên cứu của luận án nhằm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, thực trạng quy định pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật về SKBKK. Trên cơ sở đó, luận án cũng đề xuất các kiến nghị hoàn thiện pháp luật và các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về SKBKK.

3. Nhiệm vụ của luận án

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận án sẽ có những nhiệm vụ nghiên cứu sau:

Thứ nhất, làm rõ cơ sở lý luận của SKBKK. Trong đó, luận án tập trung nghiên cứu để làm rõ bản chất của SKBKK, xây dựng được khái niệm và chỉ ra những đặc điểm của SKBKK. Các học thuyết pháp lý nền tảng, chi phối quy định pháp luật về SKBKK. Phân loại được SKBKK theo các căn cứ khác nhau cũng như chỉ ra sự cần thiết của việc ghi nhận quy định về SKBKK. Đồng thời, chỉ ra sự khác biệt giữa SKBKK với các sự kiện pháp lý khác và hướng tiếp cận nghiên cứu của luận án.

Thứ hai, trên cơ sở soi chiếu các vấn đề lý luận, luận án tiếp tục nghiên cứu thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về SKBKK. Ngoài ra, luận án cũng sẽ đan xen nghiên cứu quy định pháp luật của một số nước trên thế giới theo hướng so sánh với quy định pháp luật của Việt Nam. Từ đó, chỉ ra những hạn chế, bất cập của quy định pháp luật và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật về SKBKK.

Thứ ba, từ những nghiên cứu lý luận, thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật, luận án đề xuất kiến nghị hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về SKBKK.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

* Đối tượng nghiên cứu:

- Luận án tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận, thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về SKBKK.

- Nghiên cứu các tài liệu khoa học như: sách chuyên khảo, giáo trình, luận án, luận văn, các bài báo liên quan đến SKBKK.

- Nghiên cứu các vụ việc thực tiễn, các bản án liên quan đến SKBKK đã được Tòa án các cấp giải quyết.

* Phạm vi nghiên cứu:

Thứ nhất, về nội dung, luận án tập trung làm rõ các vấn đề lý luận về SKBKK. Đồng thời, luận án nghiên cứu quy định pháp luật hiện hành về SKBKK, trong đó bao gồm quy định của BLDS 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan có ghi nhận về SKBKK. Ngoài ra, luận án cũng nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật về SKBKK.

Thứ hai, về không gian, luận án tập trung chủ yếu nghiên cứu các quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về SKBKK trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, luận án cũng nghiên cứu pháp luật một số quốc gia trên thế giới (Trung Quốc, Pháp, Nga, Quebec) nhằm đối sánh với pháp luật Việt Nam. Đối với thực trạng áp dụng pháp luật về SKBKK, NCS nghiên cứu các vụ án điển hình khác nhau ở nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước.

Thứ ba, về thời gian, luận án nghiên cứu các quy định pháp luật hiện hành về SKBKK trong BLDS 2015 cũng như có sự lồng ghép, so sánh với các văn bản có liên quan như Luật Thương mại 2005, Bộ luật Lao động 2019, BLTTDS 2015... Mặc dù luận án có đề cập đến một số văn bản quy phạm pháp luật đã hết hiệu lực nhưng chỉ nhằm mục đích so sánh, đối chiếu. Về thực tiễn, luận án nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật về SKBKK tương ứng với các văn bản pháp luật hiện hành.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

* Phương pháp luận: Luận án được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đây được coi là kim chỉ nam xuyên suốt cho việc định hướng các phương pháp nghiên cứu cụ thể của tác giả trong quá trình thực hiện luận án, được sử dụng để nghiên cứu các vấn đề lý luận trong luận án.

* Phương pháp nghiên cứu:

Trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin, trong quá trình nghiên cứu luận án, NCS sẽ sử dụng các phương pháp cụ thể sau:

- Phương pháp so sánh luật học được sử dụng để chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt trong quy định về SKBKK giữa BLDS 2015 với BLDS 2005 và BLDS 1995, và các văn bản pháp luật có liên quan, đồng thời nghiên cứu pháp luật của một số quốc gia trên thế giới. NCS chủ yếu sử dụng phương pháp này tại Chương 1 và Chương 2 của Luận án.

- Phương pháp phân tích và bình luận để lý giải, làm rõ quy định về SKBKK. Phương pháp này được NCS sử dụng xuyên suốt trong Luận án. Cụ thể, trong Chương 1, NCS sử dụng phương pháp này để làm sáng tỏ các vấn đề lý luận về SKBKK, còn đối với Chương 2 và Chương 3, phương pháp này được sử dụng chủ yếu để đưa ra những khó khăn, vướng mắc trong quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về SKBKK.

- Phương pháp tổng hợp được sử dụng để tóm tắt nội dung sau mỗi phần luận giải, khái quát hóa thực trạng pháp luật về SKBKK. Từ đó, tổng hợp lại để là tiền đề đưa ra những đề xuất mang tính khoa học, phù hợp với lý luận và thực tiễn nhằm đưa ra kiến nghị hoàn thiện.

- Phương pháp thống kê được sử dụng để đưa ra các số liệu về báo cáo tổng kết của Tòa án, số liệu về các bản án đã được Tòa án giải quyết về SKBKK.

Ngoài ra, một số phương pháp như phương pháp đặt giả thuyết nghiên cứu, phương pháp quy nạp, diễn dịch... cũng được NCS vận dụng để làm sáng tỏ các nội dung được triển khai trong Luận án.

6. Những đóng góp mới của luận án

Kết quả nghiên cứu đề tài: “*Sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam*” có thể mang lại những điểm mới sau:

Thứ nhất, luận án đã nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống, chuyên sâu dưới góc độ lý luận về SKBKK. Trên cơ sở nghiên cứu và tiếp cận cơ sở lịch sử hình thành và các quan điểm của các nhà khoa học để từ đó xây dựng khái niệm thống nhất về SKBKK. Từ đó, luận án chỉ ra ý nghĩa trong việc ghi nhận quy định về SKBKK và xác định các đặc trưng của SKBKK. Đồng thời, luận án đã phân biệt SKBKK với các sự kiện pháp lý khác như HCTĐCB, trở ngại khách quan và tình thế cấp thiết.

Thứ hai, luận án đã phân tích và làm sáng tỏ các học thuyết pháp lý liên quan trong việc xây dựng quy định về SKBKK. Các học thuyết này chính là nền tảng xây dựng, chi phối đến nội dung, thực tiễn áp dụng pháp luật về SKBKK.

Thứ ba, luận án đã xây dựng hướng tiếp cận nghiên cứu riêng về SKBKK, việc xác định hướng tiếp cận nghiên cứu giúp đảm bảo tính kết nối giữa lý luận với thực trạng quy định của pháp luật, nhằm nghiên cứu toàn diện, thống nhất về SKBKK.

Thứ tư, luận án phân tích nội dung quy định pháp luật về SKBKK không chỉ trong BLDS 2015 mà các văn bản luật chuyên ngành có đề cập đến SKBKK, trong đó chia thành ba vấn đề chính: Một là, thực trạng pháp luật về các yếu tố nhận diện SKBKK; Hai là, thực trạng pháp luật về điều kiện áp dụng SKBKK; Ba là, thực trạng pháp luật về hệ quả pháp lý của SKBKK. Từ đó, luận án đánh giá ưu điểm, những khó khăn, vướng mắc của pháp luật về SKBKK. Trong quá trình phân tích, NCS có sự đối sánh với các quy định tương thích của các văn bản pháp luật nước ta trong giai đoạn trước đây và quy định pháp luật của một số quốc gia trên thế giới.

Thứ năm, luận án đã phân tích về thực tiễn áp dụng pháp luật về SKBKK thông qua việc nghiên cứu, khảo sát các bản án điển hình đã được giải quyết tại Tòa án. NCS trình bày một cách hệ thống bằng cách liệt kê cách luận điểm về tình hình thực hiện và các vụ án chứng minh cho luận điểm đó. Qua đó, luận án chỉ ra những hạn chế, bất cập trong quy định pháp luật hiện hành về SKBKK.

Thứ sáu, luận án đã đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về SKBKK dựa trên những kết quả nghiên cứu về thực trạng pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật hiện nay. Đồng thời, thông qua việc phân tích các vấn đề còn tồn tại và những bất cập trong thực tiễn áp dụng, luận án đề xuất các giải pháp nâng cao tính khả thi và hiệu quả của pháp luật trong thực tiễn.

7. Ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn của luận án

* Ý nghĩa lý luận: Các kết quả nghiên cứu của luận án góp phần cung cấp cơ sở lý luận vững chắc về SKBKK. Trên cơ sở phân tích toàn diện pháp luật dân sự Việt Nam về SKBKK và so sánh với pháp luật của một số quốc gia khác, luận án đã làm rõ những ưu điểm, hạn chế trong quy định pháp luật về SKBKK.

* Ý nghĩa thực tiễn: Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ cho việc nghiên cứu và giảng dạy lý luận về SKBKK ở hệ thống các trường đại học, học viện. Đồng thời, kết quả nghiên cứu của luận án cũng có thể là tài liệu tham khảo cho các cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước trong công tác xây dựng pháp luật, thực thi pháp luật trên thực tế.

8. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, tổng quan tình hình nghiên cứu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và các phụ lục. Nội dung của luận án được kết cấu làm ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về sự kiện bất khả kháng

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về sự kiện bất khả kháng

Chương 3: Kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về sự kiện bất khả kháng và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về sự kiện bất khả kháng

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ SỰ KIẾN BẤT KHẢ KHÁNG

1.1. Khái niệm, đặc điểm của sự kiện bất khả kháng

1.1.1. Khái niệm sự kiện bất khả kháng

“Sự kiện bất khả kháng là sự kiện pháp lý, xảy ra một cách khách quan với chủ thể trong quan hệ pháp luật nhất định, khiến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ/khả năng bảo đảm an toàn của chủ thể trở nên không thể thực hiện được vĩnh viễn hoặc trong một khoảng thời gian, kéo theo các hậu quả pháp lý do luật định hoặc do các bên thỏa thuận khác trong trường hợp pháp luật cho phép”.

1.1.2. Đặc điểm của sự kiện bất khả kháng

Thứ nhất, SKBKK là một loại sự kiện pháp lý mang chức năng phân bổ rủi ro.

Thứ hai, SKBKK mang tính phổ quát của phạm vi áp dụng trong quan hệ pháp luật dân sự.

Thứ ba, SKBKK xảy ra khách quan với chủ thể trong quan hệ pháp luật cụ thể.

Thứ tư, SKBKK chứa đựng yếu tố bất khả thi trong việc thực hiện nghĩa vụ hoặc bảo đảm an toàn pháp lý.

1.2. Các học thuyết pháp lý có liên quan đến sự kiện bất khả kháng

1.2.1. Học thuyết về sự bất khả thi

Nguồn gốc của học thuyết về sự bất khả thi là bắt nguồn từ nguyên lý bất khả thi của luật La Mã. Nguyên lý bất khả thi xuất phát từ các maxim La-tinh (*Impossibilium nulla obligatio est/Ad impossibilia nemo tenetur* - không có nghĩa vụ với điều không thể/không ai bị buộc làm điều bất khả). SKBKK là sự tiếp nối trực tiếp của các nguyên lý đã xuất hiện từ thời La Mã cổ đại, thừa nhận sự hiện diện của một sự kiện vượt trội nằm ngoài khả năng kháng cự thông thường của con người. mặc dù có sự khác nhau giữa hệ thống dân luật và thông luật về học thuyết bất khả thi, trong khi hệ thống dân luật nhấn mạnh tiêu chí nhận diện SKBKK thì thông luật trao trọng tâm vào thẩm quyền cân bằng của tòa án. Tuy nhiên, SKBKK là sự hiện đại hóa và pháp điển hóa nguyên tắc chung xuyên suốt “không buộc phải thực hiện điều không thể”, nhưng ràng buộc nỗ lực hợp lý trước khi được hưởng ngoại lệ miễn trừ.

1.2.2. Học thuyết về quan hệ nhân quả

Trách nhiệm chỉ được thiết lập khi tồn tại mối liên hệ nhân quả trực tiếp và hợp lý giữa hành vi vi phạm hoặc sự hoạt động của tự thân tài sản và thiệt hại. Việc nghiên cứu SKBKK không thể tách rời học thuyết về quan hệ nhân quả, bởi SKBKK thường được viện dẫn như một yếu tố “cắt đứt” hoặc “gián đoạn” chuỗi nhân quả, qua đó loại trừ trách nhiệm dân sự của bên vi phạm. Nếu không có SKBKK, thiệt hại phát sinh một cách trực tiếp từ hành vi vi phạm/hoạt động của tài sản và được quy chiếu về hành vi/hoạt động đó, nhưng khi SKBKK xuất hiện, mối liên hệ này bị thay đổi: nguyên nhân thực tế gây thiệt hại không chỉ hoàn toàn do hành vi vi phạm, mà có tác động của một biến cố khách quan, bất ngờ, nằm ngoài khả năng dự liệu và kiểm soát của con người.

1.2.3. Học thuyết phân bổ rủi ro

Giá trị của học thuyết phân bổ rủi ro không chỉ dừng lại ở các quy tắc kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng. Khi được soi chiếu dưới lăng kính của luật hợp đồng tổng quát, học thuyết này đã tạo ra một bước ngoặt trong việc giải quyết mối quan hệ giữa các bên trước những biến cố nằm ngoài tầm kiểm soát của con người, mà tiêu biểu nhất chính là thiết chế SKBKK. Sự kết nối lý luận này được thể hiện qua việc chuyển dịch tư duy từ việc xác định “lỗi” sang xác định “cơ chế phân bổ rủi ro ngoại sinh”. Dưới góc độ học thuyết phân bổ rủi ro, SKBKK thực chất là một quy tắc mặc định của Nhà nước nhằm can thiệp vào hợp đồng khi các bên im lặng hoặc không thể tự dự liệu. Việc triển khai học thuyết này trong luận án cần được thực hiện qua hai trụ cột nội dung chính gồm phân bổ rủi ro theo thỏa thuận và phân bổ rủi ro luật định.

1.2.4. Học thuyết chuẩn mực hành vi hợp lý

Đối với thiết chế SKBKK, học thuyết chuẩn mực hành vi hợp lý chính là nền tảng lý luận để phân tích đánh giá pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về yếu tố “không thể khắc phục được” của SKBKK. Theo đó, một sự kiện khách quan chỉ thực sự đạt tới ngưỡng bất khả kháng khi nó vượt quá khả năng kháng cự của một chủ thể đã tuân thủ chuẩn mực ứng xử cao nhất theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận giữa các bên. Trường hợp một trở ngại có thể được hóa giải bằng các giải pháp hợp lý nhưng chủ thể lại bỏ qua, yếu tố bất khả kháng sẽ bị loại

trừ về mặt lý luận. Bên cạnh đó, học thuyết là cơ sở xác lập trách nhiệm chứng minh và tiêu chuẩn chứng minh.

1.2.5. Học thuyết Nhà nước và pháp luật

Sự can thiệp của Nhà nước trong quy định về SKBKK được thể hiện ở chỗ các văn bản pháp luật do Nhà nước ban hành đã ghi nhận các yếu tố nhận diện một SKBKK, các hệ quả pháp lý khi xảy ra SKBKK trong từng lĩnh vực cụ thể. Trên nền tảng đó, pháp luật thừa nhận giới hạn kiểm soát hợp lý của con người bằng cách định danh SKBKK thông qua các tiêu chí nhận diện và pháp luật gắn cho SKBKK những hậu quả pháp lý khi xảy ra SKBKK đáp ứng đầy đủ các tiêu chí luật định, đồng thời kèm theo đó là các nghĩa vụ phải thực hiện như nghĩa vụ thông báo kịp thời, nghĩa vụ nỗ lực hợp lý để hạn chế, khắc phục thiệt hại.

1.3. Bản chất của sự kiện bất khả kháng

Bản chất của SKBKK là một sự kiện ngoại sinh phá vỡ giả định bình thường trong quan hệ pháp luật, được pháp luật sử dụng như một công cụ điều chỉnh linh hoạt nhằm xử lý sự đổ vỡ đó, qua đó tái lập sự công bằng, hợp lý và khả thi trong việc thực hiện pháp luật trong những hoàn cảnh bất thường.

1.4. Phân loại sự kiện bất khả kháng

1.4.1. Căn cứ khả năng lường trước của sự kiện

Dựa vào khả năng lường trước, SKBKK được phân loại thành SKBKK có thể lường trước sự kiện xảy ra nhưng không lường trước được mức độ ảnh hưởng/hậu quả của sự kiện và SKBKK hoàn toàn không thể lường trước.

1.4.2. Căn cứ nguồn gốc hình thành

Dựa vào nguồn gốc hình thành, SKBKK bao gồm SKBKK mang tính tự nhiên và SKBKK mang tính xã hội.

1.4.3. Căn cứ vào chức năng pháp lý của sự kiện bất khả kháng

Dựa trên chức năng pháp lý, SKBKK có thể được phân loại thành chức năng của SKBKK trong quan hệ hợp đồng và chức năng của SKBKK trong quan hệ trách nhiệm ngoài hợp đồng.

1.5. Nguyên lý vận dụng sự kiện bất khả kháng

Về nguyên tắc, khi SKBKK xảy ra, các quy định pháp lý liên quan đến quan hệ giữa các bên sẽ áp dụng tự động, tuy nhiên trong một số trường hợp luật cho phép các bên có quyền thỏa thuận các hệ quả pháp lý khác. Nói cách khác, quy

phạm pháp luật về SKBKK có thể bao gồm cả quy phạm mệnh lệnh và quy phạm tùy nghi. Việc pháp luật ghi nhận các hệ quả của SKBKK chỉ đóng vai trò là phương án xử lý dự phòng. Tuy nhiên, trong trường hợp các bên không có thỏa thuận hoặc thỏa thuận của các bên vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự thì quy định của pháp luật sẽ được áp dụng. Theo đó, khi các bên giữ im lặng, quy định pháp luật về SKBKK vận hành như một hệ thống quy tắc mặc định, sự im lặng đó được hiểu là một sự ngầm chấp nhận giải pháp công bằng và tối ưu nhất mà Nhà nước đã chuẩn hóa

1.6. Ý nghĩa của việc ghi nhận quy định về sự kiện bất khả kháng

1.6.1. Về khía cạnh lý luận

Về mặt lý luận việc quy định về SKBKK là cách pháp luật thừa nhận giới hạn trong năng lực kiểm soát của con người trong xã hội, tách biệt được giữa lỗi chủ quan và yếu tố khách quan tuyệt đối để tránh việc mở rộng trách nhiệm một cách bất công

1.6.2. Về khía cạnh thực tiễn

Có thể nhận thấy tầm quan trọng của việc tiếp tục xây dựng, hoàn thiện một hành lang pháp lý về SKBKK nhằm làm chuẩn mực cho các bên có thể linh hoạt trong việc thỏa thuận về điều khoản SKBKK sao cho phù hợp với điều kiện cụ thể của từng bên, đồng thời vẫn đảm bảo trong khuôn khổ pháp lý đã được quy định.

1.6.3. Về cơ sở chính trị

Tinh thần chỉ đạo của Đảng và Nhà nước cho thấy yêu cầu “tính thống nhất” và “tính dự báo” đòi hỏi phải có tiêu chí pháp định chung về SKBKK, hệ quả pháp lý thống nhất tại BLDS 2015 để cơ quan giải quyết tranh chấp có thể áp dụng nhất quán, tránh tùy nghi.

1.7. Sự khác biệt giữa sự kiện bất khả kháng và một số sự kiện pháp lý khác

1.7.1. Sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan

Dựa vào các yếu tố nhận diện sự kiện: SKBKK cũng là một sự kiện xảy ra khách quan, tác động vào việc thực hiện quyền và nghĩa vụ dân sự của các chủ thể, tuy nhiên SKBKK còn đòi hỏi điều kiện nghiêm ngặt hơn so với trở ngại khách quan đó là yếu tố không lường trước được và yếu tố không thể khắc phục được

Dựa vào phạm vi tác động của sự kiện: SKBKK thường có độ phụ rộng hơn so với trở ngại khách quan và tính lan tỏa liên chủ thể, thậm chí mang tính hệ thống.

Dựa vào hậu quả pháp lý: SKBKK có mức độ ảnh hưởng nghiêm trọng hơn, khiến chủ thể không thể khắc phục được bằng những biện pháp hợp lý trong khả năng cho phép

1.7.2. Sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Dựa vào các yếu tố nhận diện sự kiện: Yếu tố đặc trưng để nhận diện HCTĐCB so với SKBKK thể hiện ở điều kiện là sự thay đổi lớn đến mức các bên không đạt được mục đích ban đầu khi giao kết hợp đồng và việc tiếp tục thực hiện hợp đồng như đã giao kết sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên.

Dựa vào phạm vi áp dụng: Phạm vi áp dụng của SKBKK rộng hơn so với HCTĐCB, SKBKK áp dụng cho cả quan hệ pháp luật trong hợp đồng và ngoài hợp đồng.

Dựa vào mức độ tác động của sự kiện đến việc thực hiện hợp đồng: Đối với SKBKK, sự kiện xảy ra tác động khiến cho việc thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của một bên không chỉ trở nên quá nặng nề như HCTĐCB mà là không thể thực hiện được, ít nhất là trong một khoảng thời gian nhất định.

Dựa vào hệ quả pháp lý: SKBKK là cơ sở để bên vi phạm nghĩa vụ không phải chịu trách nhiệm dân sự, còn trong trường hợp HCTĐCB, các bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình, tuy nhiên việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không có sự thay đổi nội dung hợp đồng thì gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên.

1.7.3. Sự kiện bất khả kháng và tình thế cấp thiết

Dựa vào tiêu chí nhận diện: các tiêu chí nhận diện SKBKK chủ yếu tập trung vào nhận diện sự kiện, thì tình thế cấp thiết là chế định biện minh cho “hành vi cứu nguy” dựa trên các lựa chọn trước một nguy cơ hiện hữu nhằm giải thích vì sao một hành vi gây thiệt hại vẫn hợp pháp.

Dựa vào mối quan hệ nhân quả giữa sự kiện với thiệt hại: Đối với tình thế cấp thiết, pháp luật thừa nhận mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và thiệt hại, ngược lại, SKBKK là nguyên nhân dẫn đến thiệt hại hoặc việc không thực hiện được nghĩa vụ.

Dựa vào hệ quả pháp lý: SKBKK không hợp pháp hóa một hành vi chủ động gây thiệt hại, SKBKK chỉ là căn cứ loại trừ trách nhiệm khi thiệt hại xuất phát từ một biến cố khách quan.

1.8. Hướng tiếp cận nghiên cứu pháp luật về sự kiện bất khả kháng

Để nghiên cứu một cách toàn diện, hệ thống thực trạng pháp luật về SKBKK thì phải nghiên cứu những nhóm quy định sau:

Nhóm quy định về các yếu tố cấu thành SKBKK: Việc nghiên cứu nhóm quy phạm các yếu tố cấu thành SKBKK nhằm bảo đảm tính định danh chính xác, tránh tình trạng lạm dụng hoặc đánh đồng SKBKK với các rủi ro kinh doanh thông thường.

Nhóm quy định về điều kiện áp dụng SKBKK: Nhóm quy phạm này có chức năng xác định tính hợp pháp và hợp lệ của việc viện dẫn SKBKK trong quan hệ pháp luật cụ thể.

Nhóm quy định về hệ quả pháp lý của SKBKK: Nghiên cứu hệ quả pháp lý của SKBKK nhằm giải quyết các mối quan hệ giữa các chủ thể, giải quyết quyền và nghĩa vụ khi xảy ra SKBKK.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

2.1. Thực trạng pháp luật về sự kiện bất khả kháng

2.1.1. Quy định của pháp luật hiện hành về sự kiện bất khả kháng

2.1.1.1. Các yếu tố cấu thành sự kiện bất khả kháng

SKBKK là sự kiện xảy ra khách quan: Sự kiện xảy ra một cách khách quan phải được hiểu là sự kiện xảy ra không phụ thuộc vào ý chí và nằm ngoài phạm vi quản lý rủi ro thông thường mà pháp luật buộc chủ thể trong một quan hệ pháp luật nhất định phải gánh chịu, trong đó đối với quan hệ hợp đồng thì xem xét với bên có nghĩa vụ bị cản trở và đối với quan hệ ngoài hợp đồng thì xem xét với bên phải bồi thường

SKBKK là sự kiện không lường trước được: Việc lường trước không chỉ dừng lại ở việc thấy trước sự kiện mà còn là việc thấy trước được thời điểm xảy ra, quy mô, cường độ và mức độ tác động của sự kiện đó trong mối tương quan với quan hệ pháp luật cụ thể. Nghĩa vụ lường trước cần gắn liền với bên có nghĩa vụ và đòi hỏi chủ thể phải duy trì sự miễn cản, cẩn trọng trong suốt quá trình thực hiện nghĩa vụ

SKBKK là sự kiện không khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép: yêu cầu sự nỗ lực tối đa và thiện chí của chủ thể thông qua việc bao hàm cả ngăn chặn, phòng ngừa sự kiện và khắc phục, hạn chế hậu quả của sự kiện. Nghĩa vụ này thuộc về “bên có nghĩa vụ” - chủ thể viện dẫn SKBKK để hưởng lợi về mặt pháp lý. Việc đánh giá nỗ lực phải dựa trên hành vi đã thực hiện trên thực tế thay vì suy đoán, nhằm xác định bên có nghĩa vụ đã hành xử một cách miễn cản, thiện chí và hợp lý trong hoàn cảnh và với năng lực của chính họ hay chưa.

2.1.1.2. Điều kiện áp dụng sự kiện bất khả kháng

Sự kiện xảy ra thỏa mãn các yếu tố cấu thành SKBKK do luật định: Một sự kiện thực tế chỉ được công nhận là SKBKK khi thỏa mãn đầy đủ ba yếu tố cấu thành luật định. Nếu sự kiện thỏa thuận không đáp ứng các yếu tố luật định, nó vẫn là rủi ro chủ quan hoặc thương mại thông thường và bên vi phạm chỉ được

hưởng quyền lợi khi hợp đồng có quy định cụ thể về hậu quả, thay vì được mặc nhiên viện dẫn các quy định pháp luật về SKBKK.

Các bên không có thoả thuận nhằm vô hiệu hóa SKBKK: Để SKBKK phát sinh hiệu lực thực tế, sự kiện đó phải tồn tại trong một không gian pháp lý mà quyền viện dẫn không bị triệt tiêu bởi ý chí tự định đoạt của các bên hoặc sự can thiệp của các quy định pháp luật bắt buộc.

Các điều kiện khác: Bên viện dẫn SKBKK phải thực hiện đồng thời nghĩa vụ thông báo và nghĩa vụ chứng minh.

2.1.1.3. Hệ quả của sự kiện bất khả kháng

Thứ nhất, SKBKK là căn cứ loại trừ trách nhiệm dân sự bao gồm: (i) SKBKK là căn cứ loại trừ trách nhiệm dân sự do vi phạm hợp đồng và (ii) SKBKK là căn cứ loại trừ trách nhiệm dân sự ngoài hợp đồng.

Thứ hai, SKBKK là căn cứ thực hiện quyền

Thứ ba, SKBKK là căn cứ điều chỉnh hợp đồng

Thứ tư, SKBKK là căn cứ xác định thời hạn trong một số trường hợp cụ thể

Thứ năm, các hệ quả pháp lý khác của SKBKK bao gồm: (i) SKBKK là căn cứ chấm dứt hợp đồng; (ii) SKBKK là căn cứ hoãn, tạm ngừng phiên toà; (iii) SKBKK là căn cứ giảm trừ nghĩa vụ tài chính trong hoạt động tổ tụng; (iv) SKBKK là căn cứ chỉ định, hủy thầu.

2.1.2. Đánh giá quy định pháp luật hiện hành về sự kiện bất khả kháng

2.1.2.1. Những ưu điểm đã đạt được

Thứ nhất, các quy định về nhận diện SKBKK khi BLDS 1995 và BLDS 2005 có hiệu lực thường nằm rải rác trong cả Bộ luật và các văn bản luật khác, thì nay đã được quy định thống nhất tại khoản 1 Điều 156 BLDS 2015.

Thứ hai, về SKBKK là căn cứ loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, trước đây BLDS 1995 và BLDS 2005 mang tính liệt kê thủ công thì BLDS 2015 đã quy định nguyên tắc bao trùm toàn bộ chế định trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng tại Điều 584.

Thứ ba, so với BLDS 1995 và BLDS 2005 về ủy quyền, BLDS 2015 đã bổ sung căn cứ cho phép bên được ủy quyền được ủy quyền lại do SKBKK nhằm hướng tới bảo vệ tối ưu quyền và lợi ích của người ủy quyền không bị xâm phạm do các yếu tố khách quan.

2.1.2.2. Những hạn chế cần khắc phục

Thứ nhất, về các yếu tố cấu thành SKBKK: bất cập về vị trí của quy định các yếu tố cấu thành SKBKK; quy định về các yếu tố nhận diện SKBKK chưa rõ ràng, còn tồn tại nhiều quan điểm trái chiều; BLDS 2015 không ghi nhận SKBKK và thực hiện quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền là hai căn cứ độc lập.

Thứ hai, về điều kiện áp dụng SKBKK: tồn tại sự chồng chéo giữa luật chung và luật chuyên ngành về các điều kiện để áp dụng SKBKK; trong một số trường hợp, quyền phủ quyết SKBKK là không hợp lý vì không bảo đảm nguyên tắc cân bằng lợi ích; thiếu vắng cơ chế xác nhận mang tính thống nhất do chưa xây dựng quy trình xác lập Giấy xác nhận SKBKK.

Thứ ba, về hệ quả pháp lý của SKBKK: quy định tại khoản 2 Điều 351 BLDS 2015 đang được hiểu là loại trừ trách nhiệm toàn bộ hoặc buộc chịu trách nhiệm toàn bộ; BLDS 2015 không có quy định cho phép các bên có quyền từ chối thực hiện hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng do SKBKK; tồn tại sự thiếu thống nhất trong sử dụng thuật ngữ về hệ quả pháp lý loại trừ trách nhiệm; quy định về loại trừ trách nhiệm do SKBKK trong trường hợp nguồn nguy hiểm cao độ gây thiệt hại tại Điều 601 BLDS 2015 là trùng lặp.

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về sự kiện bất khả kháng

2.2.1. Khái quát chung về tình hình áp dụng pháp luật liên quan đến sự kiện bất khả kháng

Thứ nhất, về quy mô và tính chất định lượng của các tranh chấp liên quan đến SKBKK. Số lượng các tranh chấp dân sự, kinh doanh thương mại có chiều hướng gia tăng nhanh chóng, nhưng việc truy xuất số liệu cụ thể về tần suất áp dụng quy định về SKBKK vẫn gặp nhiều trở ngại do thiếu các trường thông tin định danh chuyên biệt.

Thứ hai, về nhận thức và hành vi pháp lý của các chủ thể trong quan hệ hợp đồng. Các chủ thể có xu hướng mặc nhiên đồng nhất khái niệm khó khăn kinh tế với SKBKK hoặc lạm dụng các quyết định hành chính.

Thứ ba, về đường lối xét xử và quan điểm pháp lý của Tòa án. Hầu hết Tòa án thể hiện lập trường cứng rắn trong việc không đánh đồng bất cứ sự kiện nào là SKBKK.

2.2.2. Thực tiễn giải quyết tranh chấp về sự kiện bất khả kháng

2.2.2.1. Những kết quả đã đạt được

Thứ nhất, các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp có quan điểm tương đối thống nhất trong việc nhận diện sự kiện để được coi là SKBKK phải đáp ứng đầy đủ các yếu tố cấu thành pháp định tại khoản 1 Điều 156 BLDS 2015.

Thứ hai, thực tiễn giải quyết tranh chấp thể hiện tư duy thống nhất của các Tòa án khi kiên quyết bác bỏ các yêu cầu loại trừ trách nhiệm dựa trên những lý do mang tính chủ quan (sức khỏe, khó khăn tài chính đơn thuần) để trốn tránh nghĩa vụ, đặc biệt là nghĩa vụ trả nợ.

2.2.2.2. Những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

** Khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật về các yếu tố nhận diện SKBKK:*

Thứ nhất, trong một số vụ việc, Tòa án chưa đánh giá đầy đủ các tiêu chí nhận diện luật định khi xác định một sự kiện là SKBKK.

Thứ hai, cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp còn tồn tại nhiều mâu thuẫn trong việc xác định sự thay đổi trong quy định pháp luật là SKBKK.

Thứ ba, trong một số vụ việc, Tòa án còn chưa xác định chính xác sự kiện xảy ra là trở ngại khách quan hay HCTĐCB hay SKBKK.

** Khó khăn, vướng mắc trong việc xác định các điều kiện áp dụng SKBKK:*

Thứ nhất, thực tiễn giải quyết tranh chấp, dựa trên nguyên tắc tôn trọng quyền tự do thỏa thuận, Tòa án hầu hết đều ưu tiên áp dụng điều khoản SKBKK nếu các bên có thỏa thuận.

Thứ hai, trong một số vụ việc, cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp yêu cầu bên viện dẫn SKBKK phải thực hiện nghĩa vụ thông báo và nghĩa vụ chứng minh để được hưởng các hệ quả pháp lý.

** Khó khăn, vướng mắc trong việc giải quyết hệ quả pháp lý của SKBKK:*

Thứ nhất, thực tiễn giải quyết tranh chấp cho thấy trong một số trường hợp, Tòa án áp dụng pháp luật về hệ quả pháp lý của SKBKK còn chưa chính xác do sự chồng chéo pháp luật giữa nguyên tắc chung và quy định cụ thể.

Thứ hai, trong một số vụ việc, cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nhận định SKBKK là căn cứ chấm dứt hợp đồng.

2.2.2.3. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật

Thứ nhất, sự hạn chế về các quy định pháp luật về SKBKK.

Thứ hai, thiếu vắng các văn bản hướng dẫn và án lệ mang tính định hướng thống nhất cũng là nguyên nhân gây ra những bất cập trong thực tiễn xét xử.

Thứ ba, sự hạn chế trong cơ chế thống kê, tổng kết thực tiễn và hệ thống hóa dữ liệu xét xử đối với các vụ việc liên quan đến SKBKK.

Thứ tư, tính chất phức tạp, đa dạng và sự biến đổi khó lường của các sự kiện khách quan trong bối cảnh kinh tế - xã hội hiện đại.

Thứ năm, hạn chế trong kỹ năng soạn thảo hợp đồng và kỹ năng quản trị rủi ro là nguyên nhân phát sinh các tranh chấp giữa các bên.

Thứ sáu, những khoảng trống trong cơ chế hành chính hỗ trợ tư pháp và sự hạn chế trong khả năng tiếp cận các nguồn thông tin pháp lý chính thống.

Chương 3

KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ SỰ KIẾN BẤT KHẢ KHÁNG

3.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về sự kiện bất khả kháng

3.1.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về sự kiện bất khả kháng

Thứ nhất, hoàn thiện pháp luật về SKBKK phải đảm bảo tính toàn diện, đồng bộ, thống nhất.

Thứ hai, hoàn thiện pháp luật về SKBKK phải đảm bảo linh hoạt, phù hợp với nhu cầu phát triển của kinh tế xã hội.

Thứ ba, hoàn thiện pháp luật về SKBKK phải tương thích với các quy định của pháp luật quốc tế.

Thứ tư, hoàn thiện pháp luật về SKBKK phải phù hợp với bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

3.1.2. Một số kiến nghị cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật về sự kiện bất khả kháng

3.1.2.1. Kiến nghị hoàn thiện quy định của Bộ luật Dân sự 2015 về sự kiện bất khả kháng

* **Thứ nhất**, kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến các yếu tố cấu thành SKBKK:

Một là, BLDS 2015 cần thiết kế lại vị trí điều khoản định nghĩa SKBKK. NCS đề xuất đưa quy định về các yếu tố cấu thành SKBKK lên Phần thứ nhất (Những quy định chung), Chương II (Xác lập, thực hiện và bảo vệ quyền dân sự) của BLDS 2015.

Hai là, sửa đổi quy định các yếu tố cấu thành SKBKK tại khoản 1 Điều 156 BLDS 2015 theo hướng cụ thể hơn các yếu tố cấu thành mang tính định lượng, minh bạch và tương thích với các nguyên tắc pháp lý quốc tế.

Ba là, cần bổ sung căn cứ quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong BLDS 2015 là căn cứ loại trừ độc lập so với SKBKK.

* **Thứ hai**, kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện áp dụng SKBKK:

Một là, cần luật hóa nghĩa vụ thông báo và chế tài đối với hành vi vi phạm nghĩa vụ thông báo trong BLDS 2015.

Hai là, bổ sung quy định về nghĩa vụ chứng minh SKBKK trong BLDS 2015. NCS kiến nghị cần bổ sung quy định khẳng định rõ trách nhiệm chứng minh thuộc về bên viện dẫn SKBKK tại điều khoản quy định về các yếu tố cấu thành SKBKK.

Ba là, cần xây dựng quy định nhằm giới hạn thỏa thuận vô hiệu hóa SKBKK trong một số trường hợp nhằm bảo đảm công bằng và bảo vệ bên yếu thế

** Thứ ba, kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến hệ quả pháp lý của SKBKK:*

*Một là, sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 351 BLDS 2015 về phạm vi loại trừ trách nhiệm tương ứng với mức độ tác động của SKBKK, cụ thể theo hướng: “Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng thì không phải chịu trách nhiệm dân sự **đối với phần nghĩa vụ không thể thực hiện được hoặc phần thiệt hại do sự kiện bất khả kháng trực tiếp gây ra, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác**”*

Hai là, bổ sung quy định SKBKK là căn cứ chấm dứt hợp đồng tại Điều 422 BLDS 2015.

Ba là, sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 601 BLDS 2015 theo hướng lược bỏ quy định về việc loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra trong trường hợp có SKBKK.

3.1.2.2. Kiến nghị hoàn thiện quy định của các luật chuyên ngành về sự kiện bất khả kháng

Thứ nhất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến SKBKK trong Luật Thương mại 2005:

Một là, cần thống nhất sử dụng thuật ngữ pháp lý khi quy định về hệ quả pháp lý loại trừ trách nhiệm dân sự của SKBKK. Các quy định về loại trừ trách nhiệm dân sự khi xảy ra SKBKK, pháp luật cần có sự thay đổi theo hướng sử dụng thống nhất một thuật ngữ là “loại trừ trách nhiệm”

Hai là, cần sửa đổi khoản 1 Điều 296 Luật Thương mại 2005 theo hướng lược bỏ các mốc thời gian định lượng tại điểm a và điểm b, thay thế bằng tiêu chuẩn “thời hạn hợp lý”.

Thứ hai, kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến SKBKK trong Bộ luật Lao động 2019:

*Một là, cần sửa đổi khoản 2 Điều 129 Bộ luật Lao động 2019 theo hướng không lặp lại các yếu tố cấu thành SKBKK, cụ thể như sau “Người lao động làm mất...phải bồi thường theo hợp đồng trách nhiệm; **trường hợp do SKBKK như thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, dịch bệnh nguy hiểm, thảm họa thì không phải bồi thường**”.*

Hai là, cần sửa đổi bổ sung khoản 4 Điều 97 Bộ luật Lao động 2019 theo hướng bổ sung cụm từ “hợp lý” để đảm bảo quyền lợi của người sử dụng lao động.

Thứ ba, kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến cơ chế xác nhận SKBKK:

Một là, cần xây dựng quy định chung về cơ chế xác nhận SKBKK gồm những nội dung: thẩm quyền xác nhận, giá trị pháp lý và nội dung xác nhận.

Hai là, sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án theo hướng dẫn chiếu trực tiếp tới cơ chế xác nhận chung về SKBKK

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về sự kiện bất khả kháng

3.2.1. Những giải pháp chung

Thứ nhất, thống nhất quan điểm áp dụng và chuẩn hóa tiêu chí nhận diện SKBKK.

Thứ hai, kiện toàn hạ tầng dữ liệu và chuyên nghiệp hóa công tác thống kê thực tiễn xét xử liên quan đến SKBKK

Thứ ba, nâng cao nhận thức các bên về quản trị rủi ro và phát huy vai trò của các phương thức giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án.

3.2.2. Những giải pháp cụ thể

Thứ nhất, việc xây dựng và công bố các Án lệ điển hình về xác định SKBKK là đặc biệt cần thiết.

Thứ hai, thiết lập cơ chế tham vấn chuyên gia và giám định chuyên sâu đối với các rủi ro phi truyền thống.

Thứ ba, kiện toàn quy trình phối hợp liên ngành trong xác thực thông tin về SKBKK.

Thứ tư, cần phổ biến các điều khoản mẫu về quản trị rủi ro trong từng lĩnh vực đặc thù.

Thứ năm, triển khai mô hình hòa giải chuyên sâu cho các tranh chấp liên quan đến SKBKK.

KẾT LUẬN

Luận án “*Sự kiện bất khả kháng theo pháp luật dân sự Việt Nam*” đã hoàn thành việc nghiên cứu toàn diện và sâu sắc về nền tảng lý luận, thực trạng pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật về SKBKK trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Thông qua nghiên cứu luận án, NCS rút ra một số kết luận sau đây:

1. Về bản chất, SKBKK là một hiện tượng khách quan phá vỡ của các giả định bình thường vốn là nền tảng thiết lập của mọi quy phạm pháp luật, được pháp luật sử dụng như một công cụ nhằm tái lập sự công bằng, hợp lý và khả thi trong việc thực hiện pháp luật trong những hoàn cảnh bất thường.

2. Luận án đã phân tích sâu sắc thực trạng các quy định pháp luật hiện hành về SKBKK trong BLDS 2015 và các văn bản luật chuyên ngành. Nghiên cứu đã chỉ ra những điểm tiến bộ cũng như các khoảng trống pháp lý, đặc biệt là sự thiếu thống nhất về SKBKK giữa pháp luật dân sự chung và pháp luật chuyên ngành (thương mại, xây dựng, hàng không). Việc so sánh với các bộ nguyên tắc quốc tế (PICC, CISG) và kinh nghiệm pháp luật một số quốc gia đã cung cấp các luận cứ thực chứng để kiến nghị xây dựng một cơ chế quản trị rủi ro bất khả kháng đồng bộ hơn.

3. Ngoài ra, qua việc khảo sát thực tiễn xét xử và giải quyết tranh chấp, luận án đã làm nổi bật những vướng mắc điển hình mà các cơ quan tư pháp và các bên liên quan thường gặp phải. Đó là sự nhầm lẫn giữa SKBKK với các chế định lân cận như HCTĐCB, trở ngại khách quan hay tình thế cấp thiết; sự thiếu hụt quy trình xác nhận SKBKK minh bạch; và những bất cập trong việc đánh giá nỗ lực khắc phục của bên vi phạm. Trên cơ sở đó, luận án đã đề xuất các kiến nghị sửa đổi cụ thể nhằm cụ thể hóa tiêu chí nhận diện SKBKK và chuẩn hóa các hệ quả pháp lý đi kèm.

4. Những kiến nghị được phân tích và đưa ra trong chương 3 của luận án sẽ giúp cho các nhà lập pháp có cái nhìn toàn diện hơn trong quá trình sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật. Đồng thời, các giải pháp mà luận án đưa ra hướng tới việc xây dựng một môi trường pháp lý minh bạch, giúp các chủ thể dân sự có được công cụ bảo vệ quyền lợi chính đáng trước các biến động khách quan, phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường và xu hướng giao lưu dân sự, thương mại quốc tế.